

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết
quy định hỗ trợ từ ngân sách thành phố
theo khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 39
và khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp
công nghệ số

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Tài chính nhận được Công văn số 6177/SKHCN-HTS ngày 04/9/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đề nghị góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định hỗ trợ từ ngân sách thành phố đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn; dự án sản xuất thiết bị điện tử và doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về nguồn kinh phí thực hiện chính sách (Điều 20 dự thảo Nghị quyết)

- Đối với hỗ trợ theo khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số: khoản 3 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định chi đầu tư phát triển gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật; điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước quy định chi đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan. Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp theo khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số không thuộc các đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15); do đó, khoản hỗ trợ này là nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác của ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước), việc lập, phân bổ, giao dự toán, thanh toán, quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đề nghị cơ quan soạn thảo thể hiện rõ nội dung này tại điểm a khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị quyết và bổ sung căn cứ nêu trên vào Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh (hiện đang viện dẫn Luật Ngân sách nhà nước 2015, Luật Đầu tư công 2019). Đồng thời, Công văn số 5026/STC-TH ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính có ý kiến về nguồn hỗ trợ và tài sản hình thành từ khoản hỗ trợ, không đề cập việc áp dụng Luật Đầu tư công; đề nghị điều chỉnh nội dung viện dẫn tại Tờ trình và trích dẫn đúng nguyên văn Công văn này.

- Đối với hỗ trợ theo khoản 2 Điều 39, khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số: điểm b khoản 1 Điều 20 quy định nguồn kinh phí là ngân sách thành phố “hoặc từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số quy định tại Điều 11 của Luật Công nghiệp công nghệ số”. Theo khoản 1 Điều 11 Luật, nguồn tài chính này bao gồm cả Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; trong khi đó, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là quy định mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương. Đề nghị dự thảo Nghị quyết chỉ quy định nguồn thuộc ngân sách thành phố và xác định cụ thể cơ cấu chi (chi đầu tư phát triển hoặc chi thường xuyên) đối với từng nội dung hỗ trợ (đào tạo; nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, sản xuất mẫu thử; mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ) để lập dự toán theo cơ cấu chi quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Ngân sách nhà nước.

- Khoản 4 Điều 8, khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước quy định chi ngân sách chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán được giao. Dự thảo Nghị quyết quy định UBND thành phố phê duyệt hỗ trợ trước (điểm e khoản 1 Điều 17), sau đó Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính để được bố trí kinh phí (điểm b khoản 2 Điều 20). Đề nghị điều chỉnh theo hướng: hằng năm, cùng thời điểm xây dựng dự toán, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu kinh phí trên cơ sở danh mục dự án hoàn thành, dự kiến nộp hồ sơ trong năm kế hoạch, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố quyết định; việc phê duyệt hỗ trợ thực hiện trong phạm vi dự toán được giao; quy định rõ cơ quan được giao dự toán, chi trả khoản hỗ trợ; quy định cụ thể nguyên tắc xác định “thứ tự ưu tiên” và cách xử lý hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa được bố trí đủ kinh phí trong năm (điểm a khoản 2 Điều 20).

2. Về dự kiến kinh phí thực hiện chính sách (Tờ trình và Phụ lục dự toán)

- Số liệu chưa thống nhất: Tờ trình nêu dự kiến hỗ trợ 35 doanh nghiệp thiết kế chip bán dẫn, Phụ lục tính 08 doanh nghiệp; thời gian tính toán ghi “05 năm (2026-2031)” chưa xác định rõ năm bắt đầu, năm kết thúc; cột “Kinh phí hỗ trợ” tại Mục I tính theo mức trần/dự án, tại Mục II tính theo năm, riêng mục II.3 ghi 75 tỷ đồng không tương ứng với chỉ tiêu 02 doanh nghiệp/năm và mức trần 15 tỷ đồng/dự án. Đề nghị rà soát, thống nhất.

- Dự toán được xác định bằng mức trần nhân với số lượng dự kiến, chưa thuyết minh cơ sở xác định số lượng dự án (đã được chấp thuận, đăng ký hoặc đang đề xuất đầu tư trên địa bàn) và tiến độ hoàn thành. Do chỉ hỗ trợ chi phí phát sinh sau ngày Nghị quyết có hiệu lực và sau khi dự án hoàn thành, nhu cầu chi ngân sách phát sinh chủ yếu vào các năm sau. Đề nghị bổ sung cơ sở tính toán, phân kỳ nhu cầu kinh phí theo từng năm và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, làm cơ sở đánh giá khả năng cân đối và tổng hợp vào kế hoạch tài chính 05 năm, dự toán hằng năm theo điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 45 Luật Ngân sách nhà nước.

- Dự thảo Nghị quyết chưa xác định mốc thời gian thực hiện chính sách (Sở Tài chính đã có ý kiến về nội dung này tại Công văn số 7892/STC-HCSN ngày

18/6/2026). Đề nghị xác định cụ thể, phù hợp với kỳ tính toán kinh phí và kế hoạch tài chính 05 năm của thành phố, làm cơ sở đánh giá, điều chỉnh chính sách.

3. Về điều kiện, tiêu chí, nội dung và mức hỗ trợ

- Cơ sở xác định chi phí được hỗ trợ tại Chương II chưa thống nhất giữa khoản 1 Điều 6 (“quyết toán hoặc kiểm toán hoặc thẩm định giá”) và khoản 1 Điều 8 (“giá trị quyết toán được kiểm toán độc lập”). Đề nghị thống nhất: chi phí xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật xác định theo giá trị quyết toán dự án hoặc hạng mục hoàn thành đã được kiểm toán độc lập; chi phí trang thiết bị, máy móc xác định theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán và kết quả kiểm toán độc lập hoặc thẩm định giá. Đồng thời quy định rõ các cấu phần chi phí được tính (chi phí xây dựng, chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác có được tính hay không) và các khoản không được tính (như thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ hoặc hoàn; lãi vay; chi phí đã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ đầu tư hoặc nguồn hỗ trợ khác của Nhà nước). Đối với khoản 3 Điều 12, đề nghị làm rõ việc hỗ trợ chi phí bản quyền phần mềm EDA theo hình thức thuê bao có thời hạn.

- Khoản 1, khoản 2 Điều 8 quy định mức hỗ trợ “tối đa 20%” nhưng chưa có căn cứ xác định tỷ lệ cụ thể cho từng dự án; mức trần quy định theo dự án, không giới hạn số dự án của một doanh nghiệp. Đề nghị quy định tỷ lệ hoặc tiêu chí xác định tỷ lệ hỗ trợ; bổ sung quy định kiểm soát việc chia tách dự án, hạng mục để hưởng hỗ trợ nhiều lần.

- Thuật ngữ về quy mô vốn chưa thống nhất giữa “tổng vốn đầu tư dự án” (Điều 7), “tổng mức đầu tư hoặc tổng chi phí của dự án” (điểm b khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 14), “tổng mức đầu tư” (Điều 15) và “tổng giá trị hợp đồng dự án” (khoản 1 Điều 11). Đề nghị thống nhất và xác định rõ quy mô vốn tính theo vốn đăng ký hay vốn thực hiện đã quyết toán. Khoản 1 Điều 12 quy định hỗ trợ đào tạo “không quá 500 triệu đồng/năm/doanh nghiệp” đồng thời “Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ 01 lần”, đề nghị làm rõ.

- Khoản 2 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn được hưởng hỗ trợ, ưu đãi như dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 28 của Luật, trong khi Chương II dự thảo Nghị quyết chưa bao gồm đối tượng này; đồng thời khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết giải thích dự án chip bán dẫn phải thực hiện đầy đủ các khâu từ nghiên cứu và phát triển đến kiểm thử. Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với Sở Tư pháp rà soát phạm vi đối tượng được hỗ trợ từ nguồn chi đầu tư phát triển, bảo đảm phù hợp với Luật và dự tính đầy đủ nhu cầu kinh phí tương ứng.

- Điểm a khoản 4 Điều 6, khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 14 chấp nhận doanh nghiệp có văn phòng đại diện tại thành phố; theo khoản 2 Điều 44 Luật Doanh nghiệp, văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của doanh nghiệp. Đề nghị điều chỉnh theo hướng dự án thực hiện trên địa bàn

thành phố và doanh nghiệp hoặc chi nhánh thực hiện dự án kê khai, nộp thuế đối với hoạt động của dự án tại thành phố.

- Điểm a khoản 2 Điều 4 quy định không hỗ trợ dự án đã nhận hỗ trợ khác của Nhà nước, trong khi khoản 3 Điều 4 cho phép lựa chọn chính sách phù hợp nhất; nội dung hỗ trợ chi phí mua thiết bị đồng thời được quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của HĐND thành phố. Đề nghị thống nhất theo nguyên tắc mỗi khoản chi phí chỉ được hỗ trợ từ một chính sách sử dụng ngân sách nhà nước.

- Khoản 3 Điều 22 chưa quy định thời gian tối thiểu doanh nghiệp phải duy trì hoạt động dự án, sử dụng tài sản được hỗ trợ. Do tài sản hình thành từ khoản hỗ trợ thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đề nghị quy định cụ thể thời gian này, các trường hợp chuyển nhượng, thanh lý tài sản phải hoàn trả và mức thu hồi tương ứng; làm rõ căn cứ tính “lãi suất phát sinh” (khoản 1 Điều 21), cơ quan tổ chức thu hồi và việc nộp ngân sách nhà nước.

4. Về thành phần hồ sơ liên quan đến tài chính, đầu tư

Tại điểm g khoản 3 Điều 17 và điểm g khoản 3 Điều 18, đề nghị bổ sung bảng tổng hợp chi phí đề nghị hỗ trợ theo từng khoản mục, tách riêng chi phí hợp lệ và thuê giá trị gia tăng, có đối chiếu với báo cáo quyết toán, báo cáo kiểm toán hoặc chứng thư thẩm định giá (nếu có); chứng từ thanh toán qua tổ chức tín dụng.

5. Về tính khả thi của chính sách

Sở Tài chính thống nhất phương thức hỗ trợ sau khi dự án hoàn thành, trên cơ sở chi phí thực tế hợp lệ đã được quyết toán, kiểm toán. Để bảo đảm tính khả thi, đề nghị xác định rõ thời điểm “hoàn thành dự án” và xem xét thời hạn nộp hồ sơ không quá 12 tháng kể từ ngày hoàn thành (khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 14) phù hợp với thời gian lập, kiểm toán báo cáo quyết toán của dự án có quy mô lớn; quy định rõ trách nhiệm: doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, số liệu; tổ chức kiểm toán, thẩm định giá chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán, thẩm định giá; Hội đồng thẩm định xem xét việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí và đề xuất mức hỗ trợ; Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổng hợp, trình phê duyệt, quản lý hồ sơ hỗ trợ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, kính gửi Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Các Phòng: HCSN, GCS;
- Lưu: VT, TH.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thanh Tùng

dunghl - 01/10/2026 11:31:55 - dunghl - dunghl - dunghl